

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

BẢN THUYẾT MINH

Một số nội dung chính dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định một số nội dung về việc xem xét, chấp thuận cho Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú.

I. TÍNH CẦN THIẾT

1. Cơ sở pháp lý và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ

- Khoản 2 Điều 19 Pháp lệnh Ngoại hối (đã sửa đổi, bổ sung) quy định: “Tổ chức kinh tế thực hiện cho vay ra nước ngoài, trừ việc xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ trả chậm; bảo lãnh cho người không cư trú khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép”.

- Khoản 3 Điều 99 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (Nghị định 31) giao NHNN “làm đầu mối phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định hướng dẫn, trình tự, thủ tục xem xét chấp thuận cho tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú”.

- Khoản 1 Điều 20 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “Thủ tướng Chính phủ ban hành **quyết định** để quy định: 1. Biện pháp lãnh đạo, điều hành hoạt động của Chính phủ và hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương, chế độ làm việc với các thành viên Chính phủ, chính quyền địa phương và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.”

Trên cơ sở báo cáo của NHNN tại tờ trình số 79/TTr-NHNN ngày 30/9/2021 và ý kiến các Bộ có liên quan, Văn phòng Chính phủ có công văn 8886/VPCP-KTTH ngày 4/12/2021 thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái giao NHNN chỉ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT) và các Bộ, cơ quan liên quan tổng hợp, tiếp thu ý kiến của các Bộ trong quá trình xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn trình tự, thủ tục xem xét, chấp thuận cho tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú.

Căn cứ các cơ sở pháp lý và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn 8886 nêu trên, NHNN làm đầu mối xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn trình tự, thủ tục xem xét, chấp thuận cho tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú (Quyết định). Việc xây dựng và ban hành Quyết định nói trên là cần thiết, một mặt tạo điều kiện cho các Tổ chức kinh tế có nhu cầu cho vay ra cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người cư trú nắm rõ tiêu chí, trình tự, hồ sơ, thủ tục xin chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ; mặt khác quy định trách nhiệm rõ ràng để các cơ quan đầu mối, cơ quan phối hợp khác thẩm định các nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ liên quan, làm cơ sở cho Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chấp thuận

hoặc từ chối đề nghị cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của Tổ chức kinh tế.

2. Mục tiêu quản lý

Tại Pháp lệnh Ngoại hối (đã được sửa đổi bổ sung), Ủy ban thường vụ Quốc hội đã thông qua quy định thận trọng, theo đó, việc tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận. Quy định này tại Pháp lệnh Ngoại hối thể hiện rõ chủ trương quản lý chặt chẽ, thận trọng hoạt động cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế, phù hợp với bối cảnh nền kinh tế nước ta còn nhiều khó khăn, hạn chế về nguồn vốn đầu tư, tập trung vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh trong nước, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng. Ngoài ra, chủ trương này còn phù hợp với lộ trình tự do hóa dòng vốn một cách thận trọng, theo định hướng của Chính phủ cũng như theo khuyến nghị của IMF, phong tránh các nguy cơ, rủi ro có thể phát sinh.

Do đó, mục tiêu quan trọng đối với việc xây dựng Quyết định này là thiết lập quy trình xem xét thận trọng, chặt chẽ đối với các đề nghị cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú, đảm bảo xem xét toàn diện các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan và đảm bảo các nguyên tắc quản lý thận trọng nói trên.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Quyết định được xây dựng dựa trên các căn cứ pháp lý sau:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối năm ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

III. KẾT CẤU DỰ THẢO

Dự thảo Quyết định được xây dựng gồm 5 Chương 20 Điều, cụ thể là:

- Chương I: Các quy định chung bao gồm: Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; nguyên tắc thực hiện hoạt động cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế; thẩm quyền chấp thuận hoạt động cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú và nguồn vốn để thực hiện hoạt động này. (05 Điều, từ Điều 1 đến Điều 5).

- Chương II: Thủ tục xem xét chấp thuận cho Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú không gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài (04 Điều, từ Điều 6 đến Điều 9).

- Chương III: Thủ tục xem xét chấp thuận cho Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài (05 Điều, từ Điều 10 đến Điều 14).

- Chương IV: Trách nhiệm và tổ chức thực hiện (04 Điều, từ Điều 15 đến Điều 18).

- Chương V: Điều khoản thi hành (02 Điều, Điều 19 và Điều 20)

IV. MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1.1. Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Quyết định bao gồm:

- Nguyên tắc thực hiện hoạt động cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của Tổ chức kinh tế.

- Thẩm quyền chấp thuận cho Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú.

- Tiêu chí, trình tự, thủ tục chấp thuận cho Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú.

- Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc xử lý đề nghị của tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú.

Như vậy, ngoài các nội dung quy định chung về nguyên tắc quản lý và trách nhiệm của các bên có liên quan trong quá trình xem xét, xử lý đề nghị của tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú, Quyết định tập trung quy định các nội dung liên quan đến việc xem xét, chấp thuận cho tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú đối với 02 nhóm đối tượng: (i) có gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài; và (ii) không gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài, phù hợp với nhiệm vụ được giao tại Nghị định 31 và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Đối tượng áp dụng bao gồm: Tổ chức kinh tế là người cư trú (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) là bên cho vay ra nước ngoài, Bên bảo lãnh cho người không cư trú (sau đây gọi là Bên cho vay, Bên bảo lãnh); Các tổ chức, cá nhân, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan khác có liên quan và tham gia vào quá trình xử lý đề nghị của tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú.

2. Nhóm nội dung về các quy định chung (Điều 3, 4 và 5)

Qua rà soát Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) và các hiệp định bảo hộ đầu tư song phương giữa Việt Nam và các nước, NHNN nhận thấy các “khoản vay/cho vay – loan” được phân tổ là “khoản đầu tư - investment”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Nghị định 31, vốn cho vay ra nước ngoài, thực hiện bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế được xác định là một phần của vốn đầu tư ra nước ngoài.

Xuất phát từ thực tế các cam kết quốc tế và quy định tại Nghị định 31 nói trên, có thể thấy hoạt động cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú được pháp luật và tài chính quốc tế phân tổ là một loại hình trong nhóm “hoạt động đầu tư” (với hình thức công cụ nợ - debt instruments). Chính vì vậy, nhiều nội dung quy định tại Dự thảo Quyết định được xây dựng trên cơ sở tương thích với các quy định của Luật Đầu tư và Nghị định 31 nhằm đảm bảo tính thống nhất.

2.1. Nguyên tắc thực hiện hoạt động cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế

Dự thảo Quyết định quy định một số nguyên tắc cơ bản đối với việc thực hiện hoạt động cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế, bao gồm:

- Hoạt động cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của Tổ chức kinh tế nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức kinh tế, hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Tổ chức kinh tế (trong trường hợp khoản cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài) nhưng không ảnh hưởng đến an toàn vĩ mô, an ninh chính trị xã hội, không trái với chính sách quốc phòng, ngoại giao và các định hướng ổn định kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ.

- Tổ chức kinh tế thực hiện cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú phải tuân thủ quy định tại Quyết định này, quy định của pháp luật về tiền tệ, ngoại hối, đầu tư, thuế và các quy định khác của pháp luật có liên quan; tuân thủ pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ của Bên đi vay, Bên được bảo lãnh và điều ước quốc tế có liên quan. Tổ chức kinh tế tự chịu trách nhiệm về hiệu quả và các rủi ro liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú.

Nội dung này tương thích với các quy định về nguyên tắc của hoạt động đầu tư ra nước ngoài được quy định tại Điều 51 Luật Đầu tư năm 2020, không bao gồm các nội dung về quản lý.

2.2. Thẩm quyền chấp thuận cho Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú

- Liên quan đến vấn đề thẩm quyền, dự thảo Quyết định quy định một số nội dung quản lý như sau:

(a) Thẩm quyền quyết định việc cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của Tổ chức kinh tế và việc phân cấp, theo đó:

- Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận về nguyên tắc đối với việc Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú: (i) không gắn với các dự án đầu tư ra nước ngoài; (ii) gắn với các dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài; (iii) thay đổi Bên đi vay, Bên được bảo lãnh (trừ trường hợp thay đổi tên giao dịch thương mại mà không thay đổi các tiêu chí về Bên đi vay, Bên được bảo lãnh quy định tại khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 10 Quyết định); (iv) tăng hạn mức cho vay, tăng hạn mức bảo lãnh của khoản cho vay ra nước ngoài, khoản bảo lãnh cho người không cư trú ban đầu đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận nguyên tắc.

- Thủ tướng Chính phủ phân cấp, giao Bộ Trưởng Bộ KHĐT xem xét, chấp thuận về nguyên tắc đối đối với việc: (i) Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư; (ii) thay đổi tăng hạn mức cho vay/bảo lãnh đối với các khoản cho vay/bảo lãnh tại nội dung (i) nêu trên.

(b) Phạm vi phê duyệt: Trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc của hoạt động cho vay ra nước ngoài/bảo lãnh cho người không cư trú và các cân đối vĩ mô, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận về nguyên tắc đối với Bên đi vay, Bên được bảo lãnh; Hạn mức cho vay, bảo lãnh (là những yếu tố quan trọng xác định dòng vốn luân chuyển giữa người cư trú và không cư trú, thuộc đối tượng quản lý nhà nước về hoạt động ngoại hối; các nội dung khác như lãi suất, kỳ hạn,... thuộc yếu tố thương mại và Tổ chức kinh tế chủ động quyết định). Tương tự, Bộ Trưởng Bộ KHĐT chấp thuận về nguyên tắc hạn mức cho vay, hạn mức bảo lãnh (vì Bên đi vay/Bên được bảo lãnh đã được quy định cụ thể theo tiêu chí tại Điều 10 dự thảo Quyết định nên không có sự thay đổi).

- Việc Thủ tướng Chính phủ phân cấp, phân quyền cho Bộ trưởng Bộ KHĐT xem xét quyết định việc cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của Tổ chức kinh tế gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài không thuộc diện chấp thuận chủ trương (như quy định tại Khoản 2 Điều 4 dự thảo Quyết định) vừa tăng cường cải cách thủ tục hành chính, song vẫn đáp ứng mục tiêu quản lý dòng vốn, đảm bảo sự chủ động cho tổ chức kinh tế trong quá trình thực hiện. Quy định phân cấp nêu trên là hợp lý vì:

(i) Về cơ sở pháp lý:

Điểm 1 khoản 2 Điều 5 Nghị định 138/2016/NĐ-CP ngày 01/10/2016 ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ quy định về *cách thức giải quyết công việc của Thủ tướng Chính phủ*, theo đó, Thủ tướng Chính phủ “*Ủy quyền cho Phó Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ trong phạm vi thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ*”. Như vậy, có cơ sở pháp lý để quy định việc Thủ tướng Chính phủ phân cấp cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ xử lý việc xem xét chấp thuận việc cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của Tổ chức kinh tế gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư như đề xuất tại Dự thảo Quyết định;

(ii) Về cơ sở thực tiễn:

Các dự án không thuộc đối tượng chấp thuận chủ trương đầu tư có quy mô tương đối hạn chế (dưới 35 triệu USD)¹. Đối với nhóm dự án này, khi cấp giấy CNĐKĐT ra nước ngoài, Bộ KHĐT không phải trình Thủ tướng Chính phủ xin chấp thuận chủ trương. Việc xem xét quyết định cho vay, bảo lãnh cho người không cư trú của Tổ chức kinh tế thuộc nhóm đối tượng này được Bộ KHĐT xem xét, quyết định trên cơ sở:

¹ Khoản 3 Điều 56 Luật Đầu tư 2020 quy định các dự án không phải chấp thuận chủ trương đầu tư bao gồm: (i) các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông có vốn đầu tư ra nước ngoài dưới 400 tỷ đồng; (ii) các dự án đầu tư không thuộc các lĩnh vực trên có vốn đầu tư ra nước ngoài dưới 800 tỷ đồng.

- Giới hạn cụ thể về Bên đi vay/Bên được bảo lãnh chính là doanh nghiệp ở nước ngoài do Tổ chức kinh tế (là nhà đầu tư ra nước ngoài) thành lập;
- Việc đánh giá nhu cầu vốn đầu tư, nhu cầu bảo lãnh;
- Khả năng thực hiện khoản cho vay/khoản bảo lãnh.

Những nội dung này liên quan trực tiếp đến việc thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài của Nhà đầu tư được Bộ KHĐT xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài. Về nguyên tắc, Bộ KHĐT là cơ quan được giao thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho những dự án này, việc thực hiện giao dịch cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú có thể chỉ làm thay đổi cấu phần vốn đầu tư, hoặc có thể làm tăng số vốn đầu tư ra nước ngoài, song sẽ đều nằm trong giới hạn dưới 35 triệu USD, không thuộc diện phải xin chấp thuận chủ trương đầu tư và thuộc thẩm quyền cấp giấy CNĐKĐT hoặc CNĐKĐT điều chỉnh của Bộ KHĐT; Vốn cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú là một phần của vốn đầu tư. Do đó, sau khi được cấp giấy CNĐKĐT ra nước ngoài, trường hợp phát sinh nhu cầu cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú, Tổ chức kinh tế thực hiện thủ tục xin chấp thuận đối với khoản cho vay, khoản bảo lãnh và điều chỉnh giấy CNĐKĐT ra nước ngoài nhằm ghi nhận rõ cấu phần vốn đầu tư bao gồm vốn góp và vốn cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú.

2.3. Vốn cho vay ra nước ngoài, thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho người không cư trú

Dự thảo Quyết định quy định về vốn cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc phạm vi vốn đầu tư ra nước ngoài của Tổ chức kinh tế được ghi nhận tại giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài đối với dự án đó (căn cứ trên khoản 3 Điều 69 Nghị định 31).

Dự thảo Quyết định quy định về vốn cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế không gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài phải là vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế xuất phát từ quy định tương tự tại Điều 70 Nghị định 31², nhằm đảm bảo việc cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú không tác động bất lợi đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước của tổ chức kinh tế. Ngoài ra, Tổ chức kinh tế có thể cho vay/thực hiện bảo lãnh từ nguồn lợi nhuận sau thuế (tương tự như trường hợp của Samsung trong thời gian qua). Quy định này đảm bảo quyền tự chủ trong việc sử dụng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Tổ chức kinh tế, đồng thời đảm bảo hoạt động cho vay, bảo lãnh không ảnh hưởng đến các nguồn thu thuế của Ngân sách Nhà nước.

3. Nhóm nội dung quy định về thủ tục xem xét, chấp thuận cho tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú không gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài (Chương III - Điều 6 đến Điều 9)

² Điều 70 Nghị định 31 quy định nguồn vốn đầu tư của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư ra nước ngoài tại Việt Nam như sau: “Đối với tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài phải là vốn chủ sở hữu, trong đó không bao gồm vốn góp để thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam”

3.1. Tiêu chí để Tổ chức kinh tế được xem xét, chấp thuận khoản cho vay, khoản bảo lãnh không gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài

Việc quy định rõ các tiêu chí để Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận các khoản cho vay, khoản bảo lãnh là cần thiết, tạo cơ sở rõ ràng, minh bạch, một mặt tạo điều kiện cho chính các tổ chức kinh tế tự rà soát việc đáp ứng tiêu chí trước khi gửi hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận giao dịch cụ thể của mình³, mặt khác giúp các cơ quan quản lý có cơ sở để tham gia ý kiến trong quá trình thẩm định, tập trung vào các vấn đề trọng tâm có liên quan, tham mưu giúp Thủ tướng Chính phủ có đầy đủ thông tin xem xét quyết định đề nghị của Tổ chức kinh tế, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Trên cơ sở đó, các tiêu chí quy định tại Điều 6 dự thảo Quyết định chủ yếu tập trung vào các nội dung:

(i) Tiêu chí chung: Hoạt động cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của Tổ chức kinh tế phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 3 dự thảo Quyết định.

(ii) Tiêu chí đối với Tổ chức kinh tế là Bên cho vay, Bên bảo lãnh: có thời gian hoạt động tối thiểu là 05 năm; hoạt động kinh doanh có lãi, không có nợ xấu với hệ thống ngân hàng, không có nợ nước ngoài quá hạn và không nợ thuế với Ngân sách Nhà nước trong 02 (hai) năm liền kể trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận khoản cho vay, khoản bảo lãnh; Có phương án cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điều lệ của Tổ chức kinh tế và quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (trong trường hợp Tổ chức kinh tế là doanh nghiệp có vốn nhà nước). Quy định này nhằm yêu cầu Tổ chức kinh tế chứng minh tiềm lực kinh tế để thực hiện khoản cho vay/bảo lãnh và không ảnh hưởng đến nguồn thu Ngân sách, chứng minh tính tự chịu trách nhiệm trong việc quyết định và thực hiện giao dịch cho vay/bảo lãnh này.

(iii) Tiêu chí về Bên đi vay, Bên được bảo lãnh thuộc một trong các đối tượng sau: (1) Là công ty mẹ hoặc các công ty thành viên cùng hệ thống ở nước ngoài của Bên cho vay, Bên bảo lãnh (là những đối tượng có mối quan hệ mật thiết với tổ chức kinh tế nhằm đảm bảo khả năng giám sát việc thu hồi vốn); (2) Là Chính phủ nước ngoài hoặc các tổ chức nước ngoài được Chính phủ nước ngoài bảo lãnh (đây là những đối tượng có thể liên quan đến chính sách ngoại giao, hỗ trợ phát triển của Việt Nam, an ninh quốc phòng⁴).

(iv) Tiêu chí về nguồn vốn cho vay/bảo lãnh: (1) Là nguồn vốn quy định tại Khoản 2 Điều 5 dự thảo Quyết định (vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế); (2) Ngoại tệ để cho vay ra nước ngoài, thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là nguồn vốn ngoại tệ tự có từ hoạt động sản xuất kinh doanh, không sử dụng ngoại tệ mua từ tổ chức tín dụng hoặc vay trong và ngoài nước.

³ giảm bớt các công việc sự vụ phát sinh do các tổ chức kinh tế không nắm được điều kiện cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú, cứ gửi hồ sơ đến và các cơ quan có liên quan phải xử lý và trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định

⁴ trên thực tế có giao dịch của Công ty Hoàng Anh Gia Lai cho Chính phủ Lào vay.

Quy định về nguồn vốn ngoại tệ để thực hiện cho vay/bảo lãnh xuất phát từ thực trạng còn hạn chế về nguồn ngoại tệ phục vụ phát triển kinh tế trong nước của Việt Nam. Thực tế những năm qua cho thấy, Việt Nam còn phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và vay nước ngoài (gây sức ép lên bền vững nợ), nhiều năm liên tiếp thâm hụt thương mại, mức độ thặng dư thương mại một vài năm gần đây còn khiêm tốn, chưa bền vững, dự trữ ngoại hối mặc dù có xu hướng tăng trong các năm gần đây song vẫn chỉ ở mức tối thiểu so với mức khuyến cáo của IMF (14-16 tuần nhập khẩu). Với mục tiêu tập trung tăng trưởng kinh tế trong nước, các nguồn vốn ngoại tệ trong nước cần tập trung phục vụ nhu cầu sản xuất trong nước trước khi ưu tiên hoạt động cho vay ra nước ngoài/bảo lãnh cho người không cư trú.

Bên cạnh đó, việc Tổ chức kinh tế không chủ động về nguồn vốn cho vay/bảo lãnh mà phụ thuộc vào vốn vay trong nước hoặc nước ngoài để thực hiện cho vay/bảo lãnh sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro cao, vừa tăng gánh nặng nợ nước ngoài (nếu Tổ chức kinh tế đi vay nước ngoài để thực hiện giao dịch), vừa tiềm ẩn những nguy cơ rủi ro nợ xấu trong hệ thống TCTD Việt Nam do TCTD sẽ gặp khó khăn trong việc thẩm định, giám sát việc sử dụng vốn vay ở nước ngoài (nếu Tổ chức kinh tế đi vay trong nước để thực hiện giao dịch).

3.2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị chấp thuận khoản cho vay, khoản bảo lãnh của Tổ chức kinh tế không gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài

Thành phần hồ sơ quy định tại Điều 7 Dự thảo Quyết định bám sát các tiêu chí quy định tại Điều 6 dự thảo Quyết định nhằm cung cấp thông tin cho các cơ quan cho ý kiến đánh giá, tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

Thành phần hồ sơ	Tiêu chí tại dự thảo
Hồ sơ pháp lý của Tổ chức kinh tế là Bên cho vay, Bên bảo lãnh.	2a) Điều 6
Hồ sơ pháp lý của Bên đi vay, Bên được bảo lãnh	3a) Điều 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	2b) Điều 6
Báo cáo về tình hình dư nợ tín dụng tại tổ chức tín dụng trong nước và dư nợ vay ngoài nước của Tổ chức kinh tế	
Xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách nhà nước của năm gần nhất.	2c) Điều 6
Phương án cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú	2d) Điều 6
Văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với Phương án cho vay ra nước ngoài/bảo lãnh cho người không cư trú.	2d) Điều 6
Xác nhận của ngân hàng về số dư tài khoản ngoại tệ của TCKT.	4b) Điều 6
Thỏa thuận sơ bộ, biên bản ghi nhớ hoặc dự thảo thỏa thuận với Bên đi vay, bên được bảo lãnh (nếu có)	2d) Điều 6
Văn bản của Chính phủ nước ngoài đồng ý về nguyên tắc việc bảo lãnh cho Bên đi vay (áp dụng trong trường hợp Bên đi vay được Chính phủ nước ngoài bảo lãnh).	3b) Điều 6

Trình tự, thủ tục đề nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận khoản cho vay, khoản bảo lãnh của Tổ chức kinh tế không gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài quy định tại Điều 8 với Cơ quan đầu mối là NHNN, phù hợp với thực tế chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ giao NHNN đầu mối xử lý các hồ sơ đề nghị đề cho

vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của Tổ chức kinh tế không gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài thời gian qua⁵.

3.3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài, khoản bảo lãnh cho người không cư trú của Tổ chức kinh tế không gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài

Điều 4 dự thảo Quyết định quy định một số trường hợp thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú mà phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép bao gồm: (i) Thay đổi Bên đi vay, Bên được bảo lãnh làm thay đổi mức độ rủi ro của giao dịch; (ii) tăng hạn mức cho vay và hạn mức bảo lãnh. Cả hai nội dung thay đổi nêu trên đều làm tăng mức độ rủi ro của giao dịch dẫn đến cần phải được Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định như một giao dịch cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú mới (với phần hạn mức tăng thêm và Bên đi vay/Bên được bảo lãnh mới).

Do đó, Điều 9 Dự thảo đã quy định các thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của Tổ chức kinh tế không gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài để các bên có liên quan (Tổ chức kinh tế, Cơ quan đầu mối, cơ quan phối hợp) chủ động thực hiện.

4. Nhóm nội dung quy định về thủ tục xem xét, chấp thuận cho tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài (Chương III - Điều 11 đến Điều 15)

Quy định tại Chương này chia thủ tục xem xét, chấp thuận cho tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài theo 2 nhóm phục vụ án đầu tư: (i) thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài; và, (ii) không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài.

Các tiêu chí quy định tại Điều 10 đối với các nhóm này chủ yếu ràng buộc mối liên quan giữa khoản cho vay/bảo lãnh với việc thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài của Tổ chức kinh tế. Các tiêu chí đối với nhóm này khác biệt với các tiêu chí quy định tại Điều 6 đối với nhóm các khoản cho vay/bảo lãnh không gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài, đặc biệt không quy định về nguồn vốn vì khoản 3 Điều 69 Nghị định 31 đã quy định đối với dự án đầu tư ra nước ngoài, vốn cho vay/Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho người không cư trú chính là một phần của vốn đầu tư ra nước ngoài nên thực chất sẽ được xem xét khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài (hoặc Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh) và nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài (trong đó có nguồn vốn cho vay/Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh) sẽ thực hiện theo các quy định về đầu tư có liên quan.

4.1. Đối với nhóm các khoản cho vay, khoản bảo lãnh phục vụ dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài

Theo Luật đầu tư và Nghị định 31, các dự án đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 56 Luật đầu tư thuộc diện phải được Quốc hội, Thủ

⁵ Hồ sơ của 2 công ty thuộc tập đoàn Samsung cho công ty cùng hệ thống vay

tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài sẽ được Bộ KHĐT làm đầu mối phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét, góp ý kiến và lập báo cáo thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ hoặc Chính phủ (để trình Quốc hội trong trường hợp dự án thuộc đối tượng Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài). Như đề cập trên, vốn cho vay/thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là một cấu phần của vốn đầu tư ra nước ngoài, do đó, nội dung cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú trong tổng vốn đầu tư ra nước ngoài đã được xem xét trong quá trình thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài thông qua thành phần hồ sơ quy định tại khoản 6 Điều 75 Nghị định 31⁶, và được nêu trong nội dung báo cáo thẩm định quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 57 Luật đầu tư. Trường hợp dự án đầu tư ra nước ngoài của tổ chức kinh tế được Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương, tức là nội dung cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú (là một phần của vốn đầu tư ra nước ngoài⁷) đã được Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận theo quy định tại điểm c Khoản 8 Điều 57⁸ và khoản 5 Điều 58 Luật đầu tư⁹.

Chính vì vậy, trên cơ sở các nội dung trên, dự thảo Quyết định quy định: “Đối với khoản cho vay, khoản bảo lãnh gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc diện chấp thuận chủ trương, Bộ KHĐT làm đầu mối phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc thẩm định để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận khoản cho vay, khoản bảo lãnh (là cấu phần của vốn đầu tư ra nước ngoài) trong quá trình thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (CNĐKĐT) ra nước ngoài hoặc giấy chứng nhận đăng ký điều chỉnh đầu tư ra nước ngoài cho các dự án này theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư”, phù hợp với trình tự thủ tục xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư cho các dự án đầu tư ra nước ngoài này.

4.2. Đối với nhóm các khoản cho vay, khoản bảo lãnh phục vụ dự án đầu tư thuộc diện không chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài

Điều 12 Dự thảo Quyết định quy định “Trường hợp dự án đầu tư ra nước ngoài không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài có nội dung Tổ chức kinh tế là nhà đầu tư cho vay hoặc bảo lãnh cho người không cư trú, sau khi được cấp giấy CNĐKĐT ra nước ngoài, Tổ chức kinh tế thực hiện thủ tục để được chấp thuận việc cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 Quyết định này”. Quy định này xuất phát trên cơ sở quy định tại Khoản 2d) điều 78 Nghị định 31¹⁰.

⁶ Khoản 6 Điều 75 Nghị định 31: “Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài:[...]6. Báo cáo về việc cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay gồm các nội dung: ...”

⁷ Theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Nghị định 31 “Vốn đầu tư ra nước ngoài được dùng để góp vốn, cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay vốn,...”

⁸ Khoản 8 Điều 57 Luật đầu tư: “Quốc hội xem xét, thông qua nghị quyết về chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài bao gồm các nội dung sau đây:[...] c) Vốn đầu tư ra nước ngoài, nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài;...”

⁹ Khoản 5 Điều 58 Luật đầu tư: “Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài theo nội dung quy định tại khoản 8 Điều 57 của Luật này.”

¹⁰ Khoản 2d) điều 78 Nghị định 31 quy định “Trường hợp dự án đầu tư ra nước ngoài có nội dung nhà đầu tư cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay để thực hiện hoạt động đầu tư thì sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư phải thực hiện các thủ tục để được chấp thuận việc cho vay ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối”.

Thành phần hồ sơ quy định tại Điều 13 dự thảo Quyết định nhằm xác định các tiêu chí quy định tại Điều 10, cụ thể như sau:

Thành phần hồ sơ	Tiêu chí tại Dự thảo
Hồ sơ pháp lý của Tổ chức kinh tế là Bên cho vay, Bên bảo lãnh.	3a) Điều 10
Hồ sơ pháp lý của Bên đi vay, Bên được bảo lãnh	2a) Điều 10
Phương án cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú	1+ 2b) Điều 10
Văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với Phương án cho vay ra nước ngoài/bảo lãnh cho người không cư trú.	3b) Điều 10
Tài liệu chứng minh phương án cân đối nguồn vốn ngoại tệ để thực hiện cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú	3c) Điều 10

5. Nhóm quy định về trách nhiệm của các bên liên quan

Chương IV của dự thảo Quyết định quy định trách nhiệm của các bên có liên quan, tập trung vào:

5.1. Phạm vi thẩm định của các bộ, ngành, các cơ quan có liên quan:

Điều 15 dự thảo Quyết định quy định rõ phạm vi thẩm định của 4 Bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan bao gồm NHNN, Bộ KHĐT, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao nhằm xác định việc tuân thủ nguyên tắc trong quản lý hoạt động cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của Tổ chức kinh tế quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quyết định này cũng như các tiêu chí cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú (trong trường hợp khoản cho vay, khoản bảo lãnh không gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài). Khi thực hiện khoản cho vay, khoản bảo lãnh, các tổ chức kinh tế phải tự chịu trách nhiệm đối với giao dịch của mình, do đó, ý kiến của các Bộ nhằm tập trung rà soát các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, nhằm cung cấp đầy đủ thông tin, các góc nhìn có liên quan để cơ quan đầu mối tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Ngoài ra, Điều 15 của Dự thảo cũng quy định chung phạm vi, trách nhiệm thẩm định của các cơ quan có liên quan khác theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan đầu mối (khi cần thiết)¹¹.

5.2. Trách nhiệm cơ quan đầu mối và Nội dung báo cáo thẩm định

Để đảm bảo tính minh bạch và thống nhất, Điều 16 Dự thảo Quyết định quy định rõ trách nhiệm của Cơ quan đầu mối và nội dung chính Báo cáo thẩm định tổng hợp ý kiến của các cơ quan có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định¹². Đây là những nội dung cơ bản nhằm đánh giá sự tuân thủ nguyên tắc quản lý của hoạt động cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của Tổ chức kinh tế, từ đó, Thủ tướng Chính phủ có đủ thông tin và cơ sở để xem xét, quyết định theo đúng quy định của pháp luật.

5.3. Trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước trong trường hợp doanh nghiệp nhà nước cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú

¹¹ ví dụ như trường hợp các khoản cho vay, khoản bảo lãnh liên quan đến lĩnh vực năng lượng, dầu khí có thể phải xin thêm ý kiến của Bộ Công thương

¹² Quy định này tương tự như quy định về nội dung báo cáo thẩm định trình Thủ tướng xem xét chấp thuận chủ trương cho hoạt động đầu tư ra nước ngoài quy định tại khoản 3 Điều 57 và khoản 4 Điều 58 Luật Đầu tư

Điều 17 Dự thảo quy định trách nhiệm cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước trong trường hợp doanh nghiệp nhà nước cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú. Với tư duy hoạt động cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú là một hoạt động được phân tổ trong nhóm hoạt động “đầu tư” (theo phân tích tại mục 2.2. nêu trên), cách quy định trách nhiệm cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước trong trường hợp doanh nghiệp nhà nước cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú tiếp thu cách quy định trách nhiệm cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước trong trường hợp doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra nước ngoài quy định tại điều 71 Nghị định 31.

5.4. Trách nhiệm của Tổ chức kinh tế là Bên cho vay, Bên bảo lãnh

Điều 18 Dự thảo Quyết định được kết cấu thành 3 phần:

(i) Các nội dung Tổ chức kinh tế phải tự chịu trách nhiệm ví dụ như xây dựng phương án, quyết định việc cho vay/bảo lãnh; tự chịu trách nhiệm đối với hiệu quả và các rủi ro pháp lý và tài chính liên quan đến việc thực hiện khoản cho vay, khoản bảo lãnh; tuân thủ nguyên tắc của hoạt động cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế, tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan của Việt Nam và quốc gia của Bên đi vay, Bên bảo lãnh.

(ii) Các nội dung ràng buộc trách nhiệm của Tổ chức kinh tế đối với việc tuân thủ các tiêu chí quy định tại Quyết định này và các quy định về quản lý ngoại hối trong quá trình thực hiện khoản cho vay/bảo lãnh

(iii) Quy định riêng về trách nhiệm của Bên cho vay/Bên bảo lãnh là doanh nghiệp có vốn nhà nước trong việc tuân thủ các quy định có liên quan về quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp trong quá trình quyết định, phê duyệt phương án cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú.

6. Nhóm quy định về điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện

Điều 19 và 20 của dự thảo quy định về điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện, trong đó có quy định chuyên tiếp, theo đó Đối với các hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú và thay đổi khoản cho vay, khoản bảo lãnh được gửi đến trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành, thì trình tự, thủ tục Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận đối với các khoản cho vay, khoản bảo lãnh này tiếp tục thực hiện theo các chỉ đạo cụ thể của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với việc thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài, khoản bảo lãnh cho người không cư trú phát sinh sau ngày Quyết định này có hiệu lực, Tổ chức kinh tế và các bên có liên quan thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Trên đây là một số nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục chấp thuận cho Tổ chức kinh tế cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú. NHNN rất mong nhận được sự tham gia góp ý của các đơn vị đối với nội dung Dự thảo.
